

Nhựa PE Tỷ Trọng Thấp Mạch Thẳng LL4405S
Mô tả:

LL4405S là PE Tỷ Trọng Thấp Mạch Thẳng được phát triển cho mục đích ép đùn màng đúc. Các màng nhựa được làm từ sản phẩm này có hiệu quả gia công tốt, các đặc tính cơ học tốt, và dễ gia công. Có lượng gel rất thấp.

Phụ gia:

Chống đóng khối–Cao

Trượt – Cao

Ứng dụng:

Lớp lót; hỗn hợp PE tỷ trọng thấp (LDPE) và PE tỷ trọng cao (HDPE); đóng gói đa dụng; màng kỹ thuật dùng cho đóng gói tự động.

Gia công:

Ép đùn màng thổi

Các đặc tính kiểm soát:

	PP ASTM	Đơn vị	Giá trị
Tốc độ dòng nóng chảy(190/2.160)	D1238	g/10phút	2.0
Tỷ trọng	D792	g/cm3	0.922

Các đặc tính:

Các đặc tính màng thổi^a

	Các PP ASTM	Đơn vị	Giá trị
Độ bền cực đại(MD/TD)	D882	MPa	30/30
Độ giãn dài tại điểm đứt(MD/TD)	D882	%	1100/1300
Mô-đun uốn–1%Secant	D882	MPa	200/220
Va đập với phương pháp trọng lượng rơi	D1709	g/F50	75
Cường độ chịu xé Elmendorf(MD/TD)	D1922	gF	60/800
Độ mờ	D1003	%	25
Độ bóng–Góc45°	D2457	-	35
Độ bóng–Góc60°	D2457	-	65
Hệ số ma sát (COF)nội tại72 tiếng	D1894	-	0.12
Tải trọng đóng khối	D3354	gf/100cm ²	6

(a)Màng dày 40 µm,được gia công trong một đầu đùn đường kính vít 40 mmvới hệ số thổi2,2:1 (MD=Chiều thổi màng;TD= Chiều ngang màng)

Các điều kiện gia công khuyến nghị:
Ép đùn màng đúc

-Biên độ nhiệt:.....từ 150đến250°C

-Bộ màng chần:.....40/40-100%Tinh khiết

40/60/40–Hỗn hợp

-Nhiệt độ khối:.....230°C(tối đa260°C)

Ghi chú:

1. Loại nhựa này đáp ứng các yêu cầu nhựa pôlime olefin được nêu trong mục 21CFR, phần 177.1520 được ban hành bởi FDA - Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ có hiệu lực vào ngày xuất bản thông tin này. Các phụ gia có mặt tuân thủ quy định phù hợp của FDA.
2. Những thông tin này phản ánh các giá trị điển hình có được trong phòng thí nghiệm của chúng tôi nhưng không được coi là các giá trị tuyệt đối hoặc bảo đảm. Chỉ các đặc tính và giá trị được nêu trong Chứng nhận Chất lượng được coi là bảo đảm sản phẩm.
3. Trong một số ứng dụng, Braskem đã phát triển các loại nhựa phù hợp với các yêu cầu cụ thể.
4. Trong trường hợp nghi ngại về việc sử dụng, hoặc dùng cho các ứng dụng khác, liên hệ với bộ phận Kỹ thuật Ứng dụng của chúng tôi.
5. Để có thông tin về an toàn, vận chuyển, bảo vệ cá nhân, sơ cứu, và thải chất thải, xem Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS). Số đăng ký CAS: 25087-34-7.
6. Các giá trị đã nêu trong báo cáo này có thể thay đổi vào bất kỳ lúc nào mà không cần Braskem báo trước.
7. Braskem không khuyến nghị loại nhựa này dùng để đóng gói, làm thành các bộ phận, hoặc bất kỳ kiểu sản xuất sản phẩm nào sẽ được dùng để bảo quản hoặc tiếp xúc với dung dịch sẽ tiếp xúc bên trong cơ thể người.
8. Các sản phẩm pôli-ôlêfin của Braskem không có các chất phụ gia với các kim loại hoặc các chất khác có mục đích phân hủy ôxy. Các chất phụ gia này và sự phân ly và phân rã pôli-ôlêfin gây ra bởi hiện tượng phân hủy ôxy có thể gây ô nhiễm môi trường, giảm hiệu quả đóng gói, và tăng khả năng xâm nhập hợp phần bao bì vào thực phẩm, vi phạm phê chuẩn nhựa có liên quan đến các yêu cầu của Nghị quyết Anvisa 105/99. Việc sử dụng các chất phụ gia này với các sản phẩm pôli-ôlêfin của Braskem nghĩa là mất ngay sự bảo đảm tính năng được nêu trong bảng dữ liệu này.
9. Nội dung của Bảng dữ liệu này thay thế những hiệu chỉnh trước đó đã được xuất bản dành cho sản phẩm này.
10. Nhựa này không chứa chất Bisphenol A(BPA,CAS# No. 80-05-7) trong thành phần của nó.

TÂN HỢP PHÚ